

Bản án số: **60/2019/HS-ST**
Ngày: 25/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu T

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** - Kiểm sát viên.

Ngày **25** tháng **6** năm **2019**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

LVT, sinh năm 1999.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do ; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2019.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số **02** – Công an TP Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Chị NTU, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: thôn T H, xã Y T, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh NXS, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: , huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

2. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

Đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 07/02/2019, LVT điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 29X1-513.60 mang theo điện thoại Iphone 6Plus của T đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại “Xuân Sang” của anh NXS để thay màn hình. Anh S kiểm tra điện thoại xong báo giá tiền sửa chữa là 1.100.000 đồng, T đồng ý. Lúc này, trên người T chỉ có 300.000 đồng nên T hẹn Anh S 30 phút sau sẽ quay lại lấy điện thoại và thanh toán. T dự định đi đến nhà dì của T là bà TTS1 để vay tiền. Khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô đến đoạn đường liên xã thuộc thôn Trung Cao, xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ thì phát hiện chị NTU điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 14Z1-208.92 chở theo hai con nhỏ là cháu TNBA, sinh năm 2011 và cháu TNMK, sinh năm 2014 đi ngược chiều, trên vai trái chị U đeo túi xách. Lúc này, T nảy sinh ý định cướp giật túi xách của chị U nên điều khiển xe máy quay lại đuôi theo chị U. Khi đến đoạn đường vắng trước cổng Đình thôn Trung Cao, xã Trung Hòa thì T vượt xe lên, áp sát bên trái, tay phải T điều khiển xe, tay trái đưa sang giật chiếc túi xách của chị U đang đeo trên vai rồi bỏ chạy. Bị giật mất túi xách, chị U điều khiển xe máy đuôi theo T khoảng 20 mét thì bị ngã ra vệ cỏ ven đường. Sau khi giật được túi xách của chị U, T điều khiển xe máy chạy đến bãi rác thuộc thôn Chi Nê, xã Trung Hòa thì dừng xe lục túi xách của chị U thấy bên trong có 01 chiếc điện thoại Iphone 6S, số tiền 1.280.000 đồng, 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị H và 01 chứng minh thư mang tên NTU. T lấy điện thoại và toàn bộ số tiền trên, còn túi xách và sổ giấy tờ T vứt lại tại mương nước cạnh đường rồi quay lại cửa hàng của Anh S. T tháo thẻ sim trong máy điện thoại Iphone 6S của chị U cất vào túi quần và hỏi Anh S có mua điện thoại không. Anh S hỏi nguồn gốc chiếc điện thoại và mật khẩu thì T nói dối là điện thoại của chị gái cho, hiện quên mật khẩu nhưng không sử dụng nữa. Anh S đồng ý mua và trả giá 700.000 đồng, T đồng ý bán. T thanh toán tiền sửa điện thoại 1.100.000 đồng gồm có 700.000đ tiền bán điện thoại của chị U, 300.000 đồng của T và 100.000 đồng từ số tiền 1.280.000 đồng của chị U, sau đó T đi về nhà. Chị NTU, sau khi bị cướp giật tài sản đã trình báo với Công an xã Trung Hòa. Ngày 08/02/2019, T bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chương Mỹ bắt giữ.

Vật chứng vụ án:

- + 01 chiếc túi xách giả da màu đen.
- + 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị H
- + 01 chứng minh nhân dân mang tên NTU.
- + 01 điện thoại Iphone 6S vỏ màu hồng đã qua sử dụng.
- + 01 sim điện thoại di động số 0979596272 của mạng Viettel.
- + Số tiền 1.180.000 đồng của chị U, khi bắt giữ LVT.
- + 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter đã qua sử dụng.

Kết luận định giá số 13/TC-KLĐG ngày 11/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Chương Mỹ kết luận:

- 01 chiếc điện thoại Iphone 6S giá trị còn lại là 3.200.000 đồng.
 - 01 sim điện thoại di động số 0979596272 trị giá 100.000 đồng.
 - 01 chiếc túi xách giả da màu đen giá trị còn lại là 50.000 đồng.
- Tổng trị giá tài sản mà LVT cướp giật được là 4.630.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả chị NTU túi xách, điện thoại di động, thẻ ATM, chứng minh nhân dân, sim điện thoại và số tiền 1.180.000 đồng. Đối với số tiền 100.000 đồng LVT đã chi tiêu, ông Lê Văn T1 (là bố nuôi T) đã trả lại cho chị U.

Ông Lê Văn T1 đã hoàn trả lại số tiền 700.000 đồng cho anh NXS.

Đối với chiếc xe máy Exciter, Biển kiểm soát 29X1-513.60 là tài sản hợp pháp của ông Lê Văn T1, việc T sử dụng xe máy của ông T1 làm phương tiện cướp giật tài sản, ông T1 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T1.

Cáo trạng số 69/CT-VKS ngày 30/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo LVT về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo LVT đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh NXS đã được hoàn trả số tiền 700.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả khoản tiền nào khác; ông Lê Văn T1 không yêu cầu bị cáo phải hoàn số tiền 700.000 đồng ông T1 đã trả cho anh NXS và 100.000 đồng ông T1 đã trả cho chị NTU.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt LVT từ **36** đến **42** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/02/2019; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị NTU và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T1 và anh NXS không yêu cầu bị cáo phải bồi thường hay hoàn trả gì thêm nên đề nghị không xem xét; về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, cơ quan truy tố, về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về: Khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam. Về các biện pháp điều tra như lấy lời khai bị can; lấy lời khai người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; thu giữ vật chứng; xử lý vật chứng; định giá tài sản; giao nhận các văn bản tố tụng cho bị can đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thu thập đầy đủ, đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên: Không mớm cung, ép cung, bức cung, dùng nhục hình đối với bị can.

[1.2]. Về sự vắng mặt của người bị hại là chị NTU : Chị NTU đã có lời khai trong quá trình điều tra và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên việc vắng mặt của chị U không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét lời khai của bị cáo LVT tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tang vật thu giữ, kết luận định giá trong tố tụng hình sự, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. *Do đó có đủ cơ sở để kết luận:*

Khoảng 19 giờ 15 phút ngày 07/02/2019, tại đoạn đường liên thôn khu vực cổng Đình, thôn Trung Cao, xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, LVT có hành vi dùng xe mô tô làm phương tiện cướp giật 01 túi xách giả da bên trong có 1.280.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6S màu hồng và một số giấy tờ cá nhân của chị NTU. Tổng giá trị tài sản mà LVT chiếm đoạt là 4.630.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng*).

Hành vi sử dụng xe mô tô là phương tiện nguy hiểm áp sát người tham gia giao thông, lợi dụng sơ hở của người đó để giật lấy tài sản là túi xách rồi nhanh chóng tẩu thoát mà bị cáo LVT thực hiện đã phạm tội “*Cướp giật tài sản*” với tình tiết tăng nặng định khung “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố LVT về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn. Do vậy, cần có hình phạt nghiêm và có thời gian cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm cũng như phòng ngừa chung.

[2.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo, tạo điều kiện để bị cáo yên tâm cải tạo.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[2.4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả hoàn trả cho người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại không lớn; bị cáo nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; người bị hại là chị NTU có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt với bị cáo. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt

cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người tốt nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị NTU đã nhận lại tài sản bị mất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh NXS đã được hoàn trả số tiền 700.000 đồng. Chị U, Anh S và ông Lê Văn T1 đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường hay hoàn trả thêm nên không xem xét trách nhiệm bồi thường của bị cáo.

[4]. Về xử lý vật chứng: Chiếc xe máy Exciter, biển kiểm soát 29X1-513.60 là tài sản hợp pháp của ông Lê Văn T1, việc LVT sử dụng xe máy của ông T1 làm phương tiện cướp giật tài sản, ông T1 không biết. Do vậy, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T1 sử dụng là có căn cứ.

[5]. Về án phí:

Án phí hình sự: Bị cáo LVT phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Về tội phạm: Tuyên bố LVT phạm tội **“Cướp giật tài sản”**.

[2]. Về áp dụng điều luật và hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt LVT **30 (Ba mươi)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/02/2019.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo LVT phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Bị cáo LVT và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T1 và anh NXS có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người bị hại là chị NTU vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Công an huyện Chương Mỹ;
- CC THA dân sự huyện Chương Mỹ;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoàng Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

